

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THIÊN HÒA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THIÊN HÒA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THIEN HOA STEEL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: THIEN HOA STEEL., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108427848

3. Ngày thành lập: 11/09/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

P09, Tầng 7, tòa nhà Việt Á, Số 9 Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
2.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
3.	Xây dựng công trình thủy	4291
4.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
5.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
6.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
7.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
8.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
9.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
10.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
12.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
13.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
14.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
15.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410

16.	Đúc sắt, thép	2431
17.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662(Chính)
18.	Xây dựng nhà không để ở	4102
19.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
20.	Phá dỡ	4311
21.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
22.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
23.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
24.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
25.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
26.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
27.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
28.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
29.	Đúc kim loại màu (Trừ sản xuất vàng miếng)	2432
30.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
31.	Bán buôn tổng hợp (trừ hoạt động nhà nước cấm)	4690
32.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
33.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
34.	Xây dựng nhà để ở	4101
35.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
36.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
37.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
38.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
39.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (trừ loại cấm)	2420
40.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
41.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
42.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
43.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
44.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
45.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý hàng hóa	4610
46.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

47.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
48.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
49.	Xây dựng công trình điện	4221
50.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM THỊ HẰNG	Xóm Hòn , Xã Lạng Phong, Huyện Nho quan, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	30,000	164062663	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	30,000		
2	PHAN THỊ ÁNH	Khu 1, Thị Trấn Rạng Đông, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	20,000	036190001744	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	20,000		
3	NGUYỄN THỊ THU	Số 41, ngõ 61/17 Phùng Chí Kiên, Tổ 13, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	20,000	001177004966	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	20,000		
4	LÊ THỊ HƯƠNG MAI	Số 2 Phan Văn Trường, tổ 26, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	30,000	015176000153	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	30,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ THỊ HƯƠNG MAI

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 15/11/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 015176000153

Ngày cấp: 08/05/2018

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 2 Phan Văn Trường, tổ 26, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 2 Phan Văn Trường, tổ 26, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội